

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (190.000)

Tháng 9 năm 2026

(Kèm theo báo thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 9 năm 2026)

DVT: đồng

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% Phụ cấp TNVK	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐ N	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản			Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng lương và các khoản PC	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Lương	PCCV	PCTNV K			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)	Trích vào CP (2%)		
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=(14+15+16)	18	20	22	24	25	26	D
1	Trần Quang Hải	V.08.01.02	5,76	0,4	0,2				60%	3,70	10,06	1.910.640	0			0	3.619	93.632	17.556	11.704	23.408	1.784.128	P 2 ngày
2	Nguyễn Thanh Hậu	V.08.04.10	3,00	0,3	0,2				60%	1,98	5,48	1.041.200	0			0	4.524	50.160	9.405	6.270	12.540	970.841	P 2,5 ngày
3	Trương Viết Nhân	V.08.02.06	3,33	0,3	0,2				60%	2,18	6,01	1.141.520	0			0	0	55.176	10.345	6.897	13.794	1.069.103	Tăng lương, LuAn phiên về TYT
4	Nguyễn Tam Hùng	V.08.03.07	4,06		0,2		16%	0,65	60%	2,83	7,74	1.469.718	0			0	1.810	71.586	13.422	8.948	17.896	1.373.952	P 1 ngày
5	Phạm Văn Khương	V.08.01.03	4,98						40%	1,99	6,97	1.324.680	0			0	0	75.696	14.193	9.462	18.924	1.225.329	
6	Nguyễn Thị Tuyết Lan	V.08.04.10	3,66						40%	1,46	5,12	973.560	0			0	0	55.632	10.431	6.954	13.908	900.543	
7	Võ Văn Minh	V.08.04.10	3,99		0,2				60%	2,39	6,58	1.250.960	0			0	9.048	60.648	11.371	7.581	15.162	1.162.312	P 5 ngày
8	Lâm Thị Thiệt	V.08.05.13	3,96		0,2				60%	2,38	6,54	1.241.840	0			0	9.952	60.192	11.285	7.524	15.048	1.152.887	P 5,5 ngày
9	Nguyễn Thị Hương	V.05.02.08	3,65						0%	0,00	3,65	693.500	0			0	0	55.480	10.403	6.935	13.870	620.682	
10	Huỳnh Thị Bông	V.08.04.10	2,67		0,2				60%	1,60	4,47	849.680	0			0	2.714	40.584	7.610	5.073	10.146	793.699	P 1,5 ngày
11	Trần Thị Yến	V.08.02.06	3,33		0,4				70%	2,33	6,06	1.151.590	131.813			131.813	18.095	50.616	9.490	6.327	12.654	935.249	Ô 5 ngày, LuAn phiên về TYT
12	Trương Thị Linh Huệ	V.08.04.10	3,00						40%	1,20	4,20	798.000	0			0	0	45.600	8.550	5.700	11.400	738.150	
13	Nguyễn Thị Bích Nga	V08.05.12	3,66						40%	1,46	5,12	973.560	0			0	0	55.632	10.431	6.954	13.908	900.543	
14	Cao Văn Cảnh	V08.05.13	3,03		0,2				60%	1,82	5,05	959.120	0			0	5.429	46.056	8.636	5.757	11.514	893.242	P 3 ngày
15	Hứa Thị Thanh	V.08.02.06							70%	0,00	0,00	0	0			0	0	0	0	0	0	0	Nghỉ thai sản
16	Nguyễn Thị Út Linh	V.08.05.12	3,33						40%	1,33	4,66	885.780	0			0	0	50.616	9.491	6.327	12.654	819.346	
17	Trần Thị Ánh Tuyết	V08.05.12	2,67						40%	1,07	3,74	710.220	0			0	0	40.584	7.610	5.073	10.146	656.953	Tăng lương
18	Nguyễn Thị Hồng	V.08.05.12							40%	0,00	0,00	0	0			0	0	0	0	0	0	0	Nghỉ thai sản
19	Nguyễn Văn Thi	V.08.04.10	2,67						40%	1,07	3,74	710.220	0			0	0	40.584	7.610	5.073	10.146	656.953	
20	Trần Thị Hồng Nữ	V.08.03.07	3,06						40%	1,22	4,28	813.960	0			0	0	46.512	8.721	5.814	11.628	752.913	Tăng lương
	Tổng cộng		63,810	1,0	2,0	0		0,650		32,0128	99,47	18.899.748	131.813	0	0	131.813	55.191	994.986	186.560	124.373	248.746	17.406.825	

Tổng số tiền bằng chữ : Mười bảy triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng chẵn.